

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NẬM NHÙN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:16/2024/HS-ST
Ngày 18-06-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM NHÙN, TỈNH LAI CHÂU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đồng Văn Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Đặng Văn Phú

2. Bà Lò Thị Doanh

- *Thư ký phiên toà:* Bà Mào Thị Chiến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà:* Ông Đặng Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 06 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2024/TLST- HS ngày 08 tháng 05 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 06 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Văn H**, sinh ngày 15/11/1984 tại tỉnh Lào Cai;

Nơi ĐKKTT: bản **L**, xã **B**, huyện **B**, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú, chỗ ở trước khi bị bắt: **Tổ dân phố P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Lai Châu**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Vũ Văn H1**, sinh năm 1958 và bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1961; có vợ là **Điêu Thị T**, sinh năm 1986 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định số 04/QĐ - XPVPHC ngày 23/5/2022 của **Công an huyện N**, tỉnh Lai Châu đã xử phạt **Vũ Văn H** 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc. **Vũ Văn H** đã chấp hành xong quyết định, tính đến ngày bị cáo phạm tội đã được xoá tiền sự. Tại Bản án số 13 ngày 26/9/2012 của Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xử phạt **Vũ Văn H** 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích, theo quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999. Đến thời điểm phạm tội bị cáo đã được xoá án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/01/2024, chuyển tạm giam ngày 30/01/2024, tại Nhà tạm giữ **Công an huyện N**, tỉnh Lai Châu cho đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: **Lò Văn K**, sinh ngày 08/12/1982, tại tỉnh Điện Biên;

Nơi cư trú và chỗ ở trước khi bị bắt: **Bản N, xã N, huyện N, tỉnh Lai Châu**; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Lò Văn T1**, sinh năm 1959 và bà **Cà Thị T2**, sinh năm 1962; có vợ là **Phìn Thị T3**, sinh năm 1983 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 66 ngày 19/7/2009 của Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu, xử phạt **Lò Văn K** 06 tháng tù về tội Không tố giác tội phạm, quy định tại khoản 1 Điều 314 BLHS năm 1999. Tại Bản án số 19 ngày 05/3/2012 của Toà án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, xử phạt **Lò Văn K** 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999. Tại Bản án số 33 ngày 26/7/2016 của Toà án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu, xử phạt **Lò Văn K** 30 tháng tù về tội Đánh bạc, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999. **Lò Văn K** đã chấp hành xong cả ba Bản án trên; tính đến ngày phạm tội, bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/01/2024, chuyển tạm giam ngày 30/01/2024, tại Nhà tạm giữ **Công an huyện N**, tỉnh Lai Châu cho đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo **Lò Văn K**: Bà **Nông Thị Minh H2**, là Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L**. (Có mặt).

Người tham gia tố tụng khác.

- Người làm chứng. Anh **Đinh Văn Q**, sinh năm 1970

Địa chỉ: **Tổ dân phố P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Lai Châu** (Vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 24/01/2024, **Vũ Văn H** đang ở nhà thì có **Đinh Văn Q**, sinh năm 1970, trú tại **tổ dân phố P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Lai Châu** đến hỏi mua Heroine. Qua trao đổi, **H** đã bán cho **Q** 01 gói Heroine được gói bằng mảnh nilon màu xanh, bên trong là mảnh nilon màu hồng với giá 200.000 đồng. Mua được **Heroine Q1** mang về nhà sử dụng hết bằng hình thức hít. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, **Lò Văn K**, sinh năm 1982, trú tại **bản N, xã N, huyện N, tỉnh Lai Châu** đến nhà **Vũ Văn H** hỏi mua Heroine. Quá trình trao đổi, **H** tiếp tục bán cho **Lò Văn K** 01 gói Heroine được gói ngoài bằng mảnh nilon màu xanh, bên trong là lớp nilon màu hồng với giá 200.000 đồng. Mua được Heroine Khoa cất vào túi quần bên trái đang mặc rồi đi về nhà. Hồi 13 giờ 10 phút, khi **Lò Văn K** đi bộ về đến **tổ dân phố P, thị trấn N, huyện N** thì bị **Công an huyện N** phát hiện, bắt

quả tang thu giữ gói Heroine có khối lượng 0,2 gam. Mục đích **K** tàng trữ **H3** là để sử dụng cho bản thân.

Đến hồi 15 giờ 30 phút, ngày 24/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện N** đã tiến hành khám xét khẩn cấp người và chỗ ở đối với **Vũ Văn H**, thu giữ 01 lọ nhựa màu xanh dương, bên trong có 17 gói (*trong đó 16 gói được gói ngoài bằng mảnh nilon màu xanh bên trong là lớp nilon màu hồng, 01 gói được gói bằng hai lớp nilon màu xanh*), thu giữ tại bức tường trong phòng ngủ của **H** 01 gói được gói bằng mảnh nilon màu xanh, cùng 400.000 đồng. Về nguồn gốc số Heroine trên, **H** khai nhận: Khoảng 19 giờ 00 phút, cách ngày bị bắt khoảng một tuần, **H** cùng **Điêu Chính C**, sinh năm 1994, trú tại **tổ dân phố P, thị trấn N, huyện N**, mỗi người góp 2.000.000 đồng đi bộ xuống **tổ dân phố N, thị trấn N, huyện N** mục đích tìm mua Heroine. Đến nơi, **H, C** gặp và mua được 01 gói Heroine với giá 4.000.000 đồng của một người đàn ông không rõ lai lịch. Sau khi mua được **H3** mang về nhà **C, C** và **H** chia gói Heroine làm hai phần, phần của **H, H** chia làm 19 gói nhỏ cho vào một lọ nhựa màu xanh dương, cất vào túi áo khoác đang mặc trên người rồi đi về nhà.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện N** đã triệu tập **Điêu Chính C** để lấy lời khai và đối chất nhưng **Điêu C1 C** không thừa nhận việc đã cùng với **Vũ Văn H** góp tiền để mua 01 gói Heroine. Tại Cơ quan điều tra, **Điêu Chính C** cũng không thừa nhận việc gặp và góp tiền với **H4** để mua Heroine cùng nhau sử dụng.

Ngày 30/01/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện tiến hành thành lập Hội đồng mở niêm phong xác định khối lượng và trích mẫu giám định.

Tại Kết luận giám định tư pháp số 02 ngày 24/01/2024 của người giám định tư pháp theo vụ việc thuộc **Công an huyện N** xác định 17 gói thu giữ của **Vũ Văn H**: Toàn bộ chất bột màu trắng, có khối lượng: 3,13 gam. (gửi đi giám định toàn bộ). Kết luận giám định số 200/GĐ-KTHS ngày 29/01/2024 của **Phòng K1 Công an tỉnh L**, kết luận: 17 mẫu chất bột, màu trắng (ký hiệu từ M1 đến M17) thu giữ của **Vũ Văn H**, gửi giám định là ma túy, loại Heroine. (không hoàn lại mẫu vật).

Tại Kết luận giám định tư pháp số 04 ngày 24/01/2024 của người giám định tư pháp theo vụ việc thuộc **Công an huyện N** xác định 01 gói thu giữ của **Vũ Văn H**: Toàn bộ chất bột màu trắng, có khối lượng: 0,41 gam (gửi đi giám định toàn bộ). Kết luận giám định số 202/GĐ-KTHS ngày 26/01/2024 của **Phòng K1 Công an tỉnh L**, kết luận: Mẫu chất bột, màu trắng thu giữ của **Vũ Văn H**, gửi giám định là ma túy, loại Heroine. (không hoàn lại mẫu vật).

Tại Kết luận giám định tư pháp số 05 ngày 24/01/2024 của người giám định tư pháp theo vụ việc thuộc **Công an huyện N**, xác định 01 gói thu giữ của

Lò Văn K: Toàn bộ chất bột màu trắng, có khối lượng: 0,2 gam. (gửi đi giám định toàn bộ). Kết luận giám định số 203/GĐ-KTHS ngày 26/01/2024 của **Phòng K1 Công an tỉnh L** kết luận: Mẫu chất bột, màu trắng thu giữ của **Lò Văn K**, gửi giám định là ma túy, loại Heroine. (không hoàn lại mẫu vật).

Tại Bản kết luận giám định số 201/KL-KTHS ngày 26/01/2024 của **Phòng K1 Công an tỉnh L** kết luận: Tổng số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam bao gồm 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có mã số hiệu: UQ 18985725; FU 18062020 gửi giám định là tiền thật.

Bản Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 07/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu truy tố bị cáo **Vũ Văn H** về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo **Lò Văn K** về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Bản kết luận điều tra số 08/KLĐT ngày 19/04/2024 của Cơ quan CSĐT **Công an huyện N** và Bản Cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều khoản áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Vũ Văn H** từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày 24/01/2024.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lò Văn K** từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày 24/01/2024.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng các hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Vũ Văn H**. Miễn áp dụng các hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Lò Văn K**.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (Một) lọ nhựa hình trụ tròn màu xanh dương; Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 400.000 đồng do bị cáo **Vũ Văn H** phạm tội mà có.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo **Lò Văn K** đưa ra những quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điều 38 của Bộ luật Hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; và đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **Lò Văn K**.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo **Vũ Văn H, Lò Văn K** đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố. Các bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát và bị cáo **Lò Văn K** nhất trí với luận cứ bào chữa, không bổ sung lời bào chữa.

Lời nói cuối cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện N**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện N**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tranh tụng tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Người bào chữa cho bị cáo **Lò Văn K** đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo **Vũ Văn H, Lò Văn K** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với Bản kết luận điều tra, Bản cáo trạng đã truy tố và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ cơ sở khẳng định: Vào ngày 24/01/2024, tại nhà của **Vũ Văn H** thuộc **tổ dân phố P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Lai Châu** **Vũ Văn H** đã có hành vi bán Heroine hai lần trái phép cho **Đinh Văn Q** và **Lò Văn K** với số tiền 400.000 đồng, cụ thể: Lần thứ nhất: Khoảng 9 giờ 00 phút ngày 24/01/2024, **Vũ Văn H** đã bán trái phép 01 gói Heroine cho **Đinh Văn Q** với số tiền 200.000 đồng. Lần thứ hai: Hồi 13 giờ 00 phút ngày 24/01/2024 **Vũ Văn H** đã bán trái

phép 01 gói Heroine có khối lượng 0,2 gam cho Lò Văn K với số tiền 200.000 đồng. Hồi 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi K đang đi bộ về nhà thì bị Công an huyện N phát hiện bắt quả tang thu giữ gói Heroine trên. Mục đích K tàng trữ H3 là để sử dụng cho bản thân. Ngoài ra H còn cất giấu trái phép 3,54 gam Heroine, mục đích để bán lẻ kiếm lời thì bị phát hiện, thu giữ. Như vậy, tổng khối lượng Heroine H5 phải chịu trách nhiệm hình sự là: 3,74 gam. Khối lượng Heroine Khoa phải chịu trách nhiệm hình sự là 0,2 gam.

Các bị cáo Vũ Văn H, Lò Văn K đều là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Với mục đích thu lời bất chính bị cáo Vũ Văn H đã có hành vi mua ma túy về để sử dụng và bán kiếm lời, bị cáo đã trực tiếp bán Heroine cho Đinh Văn Q; Lò Văn K thu lời bất chính số tiền 400.000 đồng; Bị cáo Vũ Văn H phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán trái phép chất ma túy đối với khối lượng H3 đã bán cho Lò Văn K và số Heroine thu giữ tại nhà của Vũ Văn H, gồm: 3,13 gam + 0,41 gam + 0,2 gam = 3,74 gam. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Lò Văn K do nghiện chất ma túy bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0,2 gam Heroine, mục đích để sử dụng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn truy tố các bị cáo về tội danh, điều khoản áp dụng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi các bị cáo Vũ Văn H, Lò Văn K thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Ma túy đang là nỗi nhức nhối trong đời sống xã hội, và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Do đó mọi hành vi phạm tội liên quan tới ma túy cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Về mục đích phạm tội của các bị cáo: Bị cáo Vũ Văn H mua bán trái phép chất ma túy nhằm bán lại cho các đối tượng nghiện chất ma túy khác nhằm thu lời bất chính; Bị cáo Lò Văn K tàng trữ trái phép chất ma túy là để phục vụ nhu cầu sử dụng chất ma túy của bản thân bị cáo.

[5] Về nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo **Vũ Văn H**, **Lò Văn K** đều là những người được sinh ra trong những gia đình lao động nhưng các bị cáo không chịu khó tu dưỡng rèn luyện, làm ăn chân chính. Bị cáo **Vũ Văn H**, **Lò Văn K** đều có nhân thân xấu. Đối với bị cáo **Vũ Văn H** đã có 01 tiền án về hành vi Cố ý gây thương tích. Bị cáo **Lò Văn K** có 03 tiền án về hành vi Không tổ chức tội phạm, Tàng trữ trái phép chất ma túy, Đánh bạc; các bị cáo **Vũ Văn H**, **Lò Văn K** tuy đều đã được xóa án tích, song không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật của các bị cáo. Như vậy nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn truy tố hành vi phạm tội và đề xuất mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo trình độ học vấn thấp, khả năng nhận thức pháp luật của các bị cáo còn có phần hạn chế. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho cả hai bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả hai bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện, hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo khó khăn, bản thân các bị cáo nghề nghiệp lao động tự do và làm ruộng, thu nhập không ổn định; Các bị cáo không đảm nhiệm chức vụ và không có tài sản gì đáng kể do đó Hội đồng xét xử không áp dụng các hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Vũ Văn H** và theo quy định khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Lò Văn K**.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng còn lại của vụ án là 01 (một) lọ nhựa hình trụ tròn màu xanh dương, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy; Đối với số tiền 400.000 đồng do bị cáo **Vũ Văn H** phạm tội mà có cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Như vậy, căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết

tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, cần thiết phải có mức án tương xứng, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục cho các bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn về mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Xét quan điểm của người bào chữa cho bị cáo **Lò Văn K**, Hội đồng xét xử thấy rằng việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống thuộc khu vực kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa đối với bị cáo.

[9] Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[10] Những vấn đề liên quan:

Kết quả điều tra không xác định được lai lịch người đàn ông đã bán ma túy cho **Vũ Văn H** tại **tổ dân phố N, thị trấn N, huyện N**, nên không có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai của **H**, **số H** có được là **H** chung tiền với Điều Chính **C** đi mua, Cơ quan điều tra đã lấy lời khai và tiến hành đối chất với **C**, nhưng **C** không thừa nhận việc cùng chung tiền mua Heroine cùng **H**. Ngoài lời khai của **H** ra không còn chứng cứ nào khác, do vậy **C** không đồng phạm với **H** về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của **Đinh Văn Q**, Cơ quan CSĐT **Công an huyện N** đã ra quyết định xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Vũ Văn H**.

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Lò Văn K**.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ

luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Vũ Văn H** phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Tuyên bố các bị cáo **Lò Văn K** phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Vũ Văn H** 08 (tám) năm tù.

Xử phạt bị cáo **Lò Văn K** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo bị tạm giữ ngày 24/01/2024.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 lọ nhựa hình trụ màu xanh dương; Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*) thu giữ của **Vũ Văn H**.

(*Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 15 tháng 5 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện N** và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu*).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo **Vũ Văn H**, **Lò Văn K** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm lên Toà án nhân dân cấp trên./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn;
- CQĐT, CQTHAHS huyện Nậm Nhùn;
- Chi cục THADS huyện Nậm Nhùn;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn Khoa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

Đồng Văn Dũng

